

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN MÔN HỌC TỰ CHỌN GIÁO DỤC THỂ CHẤT THEO NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Đặng Đức Hoàn⁽¹⁾; Đinh Khánh Thu⁽²⁾

Tóm tắt:

Dựa trên nhận thức của sinh viên, nghiên cứu nhằm mục đích xác định mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và hiệu quả giảng dạy môn học tự chọn giáo dục thể chất (GDTC) trên nền tảng trực tuyến tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Kết quả cho thấy, yếu tố tác động mạnh và cần được chú ý đó là: phương thức và nội dung bài giảng của giảng viên; chất lượng Internet, đầu tư trang thiết bị để học tập, chất lượng môi trường xung quanh. Cùng với đó, hiệu quả học online được thể hiện: tạo thuận lợi cho người học như giảm chi phí so với đi học trực tiếp; nhiều thời gian rảnh rỗi hơn; giảm được những căng thẳng và áp lực về bài tập, bài giảng...

Từ khóa: Giáo dục thể chất, giảng dạy trực tuyến, nhận thức của sinh viên.

Effectiveness of online teaching activities in the self-selected PE subject according to the student's awareness at the Vietnam Academy of Agriculture

Summary:

Based on students' awareness, the author conducted a research in order to determine the impact level of factors in teaching activities and the effectiveness of teaching self-selected PE subjects on the online platform at the Vietnam Academy of Agriculture. The results show that the factors, which have strong impact and need attention, are: the method and content of the lecturer's lesson; Internet quality, Learning equipment investment, quality of surrounding environment. Along with that, the effectiveness of online learning is shown in following aspects - creating advantages for learners such as reducing costs compared to going to school; more free time; reduce stress and pressure about assignments, lectures...

Keywords: Physical education, online teaching, student awareness.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Giảng dạy trực tuyến hiện là một hình thức giảng dạy bắt buộc trong thời kỳ giãn cách do đại dịch Covid-19. Thực tế, phương pháp giảng dạy này đã tạo ra trải nghiệm học tập hấp dẫn và môi trường học tập khác biệt thông qua công nghệ kỹ thuật số, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thích ứng với những khó khăn trong giai đoạn giãn cách xã hội.

Trong hoạt động giảng dạy môn học tự chọn GDTC online, vấn đề quan tâm là giúp sinh viên (SV) chú trọng hơn vào các bài giảng trực tuyến, loại bỏ những hạn chế và tác động xấu có thể xảy ra, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy, học tập của SV. Đã có rất nhiều nghiên cứu đưa ra các bất lợi trong giảng dạy online các môn học

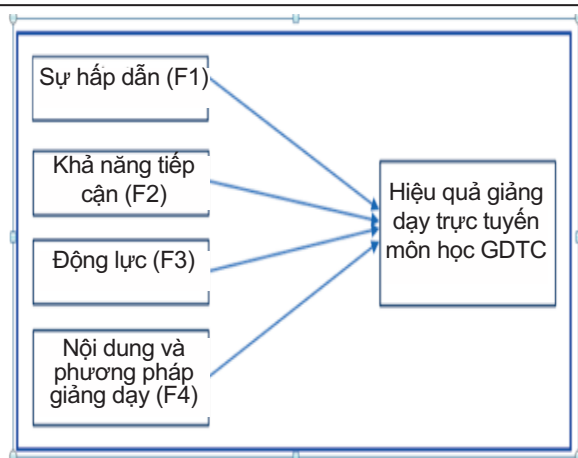
nói chung và chỉ dựa trên cảm nhận chủ quan từ phía giảng viên (Kim et al., 2021; Konukman et al., 2022; Oanh et al., 2021; Thùy et al., 2021). Do vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mục đích xác định mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy và hiệu quả giảng dạy môn học tự chọn GDTC trên nền tảng trực tuyến tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam dựa theo nhận thức của SV nhằm đảm bảo tính khách quan và tính toàn diện trong đánh giá hiệu quả giảng dạy môn học cho SV.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp mô hình: Mô hình đánh giá hiệu quả giảng dạy online môn học tự chọn GDTC dựa trên 4 nhóm nhân tố chính trong nghiên cứu của Mocanu et al. (2021) như: sự

⁽¹⁾TS, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

⁽²⁾PGS. TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

hấp dẫn, khả năng tiếp cận, động lực, nội dung và phương pháp giảng dạy.

Phương trình hồi quy ước lượng là: $Y = b_0 + b_1.X_1 + b_2.X_2 + \dots + b_i.X_i$

Trong đó:

Y: hiệu quả giảng dạy trực tuyến môn học GDTC

b_i : hệ số ước lượng

X_i : các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy trực tuyến môn học GDTC

Các biến đưa vào phân tích hồi quy được xác định bằng cách tính điểm của các nhân tố. Nhân tố thứ i được xác định:

$$F_i = A_{i1} X_1 + A_{i2} X_2 + \dots + A_{ik} X_k$$

Cụ thể:

F_i : Ước lượng trị số của nhân tố thứ i

A_{ik} : Trọng số nhân tố

k : Biến quan sát trong nhân tố thứ i .

Phương pháp điều tra số liệu sơ cấp: Nghiên cứu điều tra 200 SV bằng bảng câu hỏi đo lường trên nền tảng Microsoft Teams với 4 nhóm yếu tố chính (sự hấp dẫn, khả năng tiếp cận, động lực và phương thức giảng dạy).

Phương pháp toán học thống kê: Các bước phân tích mức độ tin cậy, nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan và hồi quy được thực hiện bằng phần mềm SPSS 20. Bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên 4 yếu tố độc lập về tính năng của hoạt động dạy học trực tuyến gồm 19 câu hỏi: tính hấp dẫn (4 câu), khả năng tiếp cận (6 câu), động lực học tập (3 câu), hiệu quả (3 câu) và 3 câu hỏi cho biến phụ thuộc đánh giá về hiệu quả giảng dạy. Thang đo Likert với 5 mức độ được sử dụng để đánh giá thái độ nhận thức theo điểm số và giải thích mức độ.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Trên cơ sở mô hình của Mocanu et al. (2021), nghiên cứu tiến hành kiểm định độ tin cậy của các biến quan sát được bằng hệ số Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA. Điều kiện để nhận định các thang đo được chấp nhận khi có hệ số tương quan biến tổng (item-total corelation) nhỏ hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha của từng biến nhỏ hơn 0,5. Thêm vào nữa, những biến có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) nhỏ hơn 0,5 sẽ bị loại khỏi thang đo vì có tương quan yếu với biến tiềm ẩn.

Kết quả kiểm định cho hệ số tương quan biến tổng và hệ số tương quan các biến quan sát có giá trị từ 0,554 đến 0,729 (đều lớn hơn 0,5). Như vậy, tổng 19 biến quan sát đều đảm bảo chất lượng để tham gia các bước phân tích tiếp theo. Ngoài ra, nghiên cứu còn tiến hành kiểm định tính thích hợp của EFA (bảng 2).

Trong bảng 2, hệ số KMO bằng 0,826 thỏa mãn điều kiện $0,5 < KMO < 1$, như vậy các dữ liệu phù hợp cho phân tích nhân tố khám phá. Khi kiểm định sự tương quan của các biến quan sát trong thang đo đại diện bằng kiểm định Bartlett's Test có mức ý nghĩa Sig. $< 0,05$, như vậy, các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện.

Nhằm kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát với nhóm nhân tố, nghiên cứu đã đánh giá trị số phương sai trích tại bảng 3.

Kết quả Cumulative ở bảng 3 cho biết trị số phương sai trích đạt 67,642% (lớn hơn 50%), đồng nghĩa là các biến quan sát giải thích được 67,642% sự biến thiên của nhân tố.

Qua kiểm định chất lượng thang đo và kiểm định mô hình EFA, có 4 thang đo đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy môn học GDTC và 1 thang đo đại diện cho chất lượng giảng dạy môn GDTC dưới hình thức online. Kết quả ma trận xoay thu được cũng cho thấy, 19 biến quan sát được phân theo 4 nhân tố, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor Loading) lớn hơn 0.5 và không còn các biến xấu cần phải loại khỏi mô hình nghiên cứu. Các nhóm nhân tố này giải thích sự biến thiên dữ liệu của 19 biến quan sát tham gia vào mô hình.

Bảng 1. Thang đo nhận thức của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy môn học GDTC dưới hình thức online

TT	Biến quan sát	Giải thích	5	4	3	2	1
Sự hấp dẫn khi tham gia lớp học online (F1)							
1	F1.1	Lượng thời gian rỗi so với học trực tiếp	Rất nhiều	Nhiều	Trung bình	Ít	Rất ít
2	F1.2	Giao lưu trên MT trực tuyến	Rất tốt	Tốt	Bình thường	Kém	Rất kém
3	F1.3	Mức độ tham gia của sv trong quá trình học tập	Toàn bộ	Đa số	Một nửa	Thỉnh thoảng	Hiếm khi
4	F1.4	Áp lực, lo lắng khi tham gia học tập online	Tuyệt đối không có	Không áp lực	Thỉnh thoảng	Áp lực	Rất áp lực
Khả năng tiếp cận (F2)							
5	F2.1	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trên nền tảng trực tuyến	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Kém	Rất kém
6	F2.2	Chất lượng của cuộc hội thoại online	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Yếu	Rất yếu
7	F2.3	Khả năng tiếp thu các bước thị phạm của giảng viên	Dễ hơn	Có khó khăn	Trung bình	Có nhiều khó khăn	Cực kỳ khó khăn
8	F2.4	Chi phí trang thiết bị khi học online	Rất rẻ	Rẻ	Hợp lý	Đắt	Rất đắt
9	F2.5	Chất lượng môi trường xung quanh khi học online	Tuyệt vời	Tốt	Khá	Có chút bất tiện	Không phù hợp
10	F2.6	Khả năng đáp ứng các yêu cầu trong học tập online	Rất nhanh	Nhanh	Trung bình	Khó khăn/Chậm	Rất khó
Động lực trong học tập (F3)							
11	F3.1	Động lực khi tham gia môn học GDTC online	Cao	Chủ động	Trung bình	Thấp	Hầu như không có
12	F3.2	Động lực với các bài tập thực hành	Cao	Chủ động	Trung bình	Thấp	Hầu như không có
13	F3.3	Được cung cấp học liệu giảng dạy điện tử phục vụ học tập	Trong cả học phần	Phần lớn	Một nửa	Một vài học phần	Không có
Phương thức giảng dạy và nội dung bài giảng (F4)							
14	F4.1	Hữu ích của bài học trực tuyến	Rất hữu ích	Có ích	Trung bình	Không hữu ích lắm	Vô ích
15	F4.2	Hoạt động đánh giá môn học	Rất khách quan	Khách quan	Khá khách quan	Không khách quan	Rất không khách quan
16	F4.3	Mức độ chuẩn bị bài giảng so sánh giữa 2 hình thức dạy học	Rất tốt	Tốt	Trung bình	Thấp	Rất thấp
Hiệu quả giảng dạy GDTC online (FH)							
17	FH.1	Linh hoạt trong nội dung giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi cho SV	Rất đồng ý	Đồng ý	Trung bình	Không đồng ý	Rất không đồng ý
18	FH.2	Phát triển được nhiều kỹ năng từ môn học	Rất đồng ý	Đồng ý	Trung bình	Không đồng ý	Rất không đồng ý
19	FH.3	Bài giảng thiết kế đa dạng tạo sức hút cho SV	Rất đồng ý	Đồng ý	Trung bình	Không đồng ý	Rất không đồng ý

Bảng 2. Kiểm định KMO và Bartlett's Test

KMO		0,826
Bartlett's Test	Chi-Square	1.378,918
	df	120
	Sig.	0,000

Bảng 3. Tổng phương sai được giải thích

Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	4.128	25.801	25.801	4.128	25.801	25.801	3.786	23.664	23.664
2	3.783	23.646	49.447	3.783	23.646	49.447	2.834	17.715	41.379
3	1.505	9.408	58.855	1.505	9.408	58.855	2.141	13.382	54.760
4	1.406	8.787	67.642	1.406	8.787	67.642	2.061	12.881	67.642

Bảng 4. Phân tích tương quan Pearson

		Sự hấp dẫn	Khả năng tiếp cận	Động lực	Nội dung và phương pháp GD
Hiệu quả giảng dạy trực tuyến môn học GDTC	Pearson Correlation	0,506**	-0,142**	0,518**	0,521*
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,045	0,000	0,000
	N	200	200	200	200

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa hiệu chỉnh	Hệ số hồi quy hiệu chỉnh	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Beta		Dung sai	VIF
Hằng số	0,550		0,000		
Sự hấp dẫn	0,251	0,244	0,001	0,762	1,313
Tiếp cận	-0,333	-0,319	0,024	0,968	1,033
Động lực	0,339	0,311	0,000	0,808	1,238
ND và PP giảng dạy	0,372	0,355	0,000	0,831	1,203
<i>Sig. = 0,000</i>					
<i>Hệ số R² = 0,486</i>					
<i>Hệ số R² hiệu chỉnh = 0,476</i>					
<i>Durbin – Watson = 1,834</i>					

2. Đánh giá của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam về hiệu quả giảng dạy trực tuyến môn học tự chọn GDTC trong thời kỳ covid-19

Để đánh giá, nghiên cứu tiến hành phân tích tương quan Pearson nhằm kiểm tra mối tương quan tuyến tính giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập làm cơ sở để phát hiện sớm hiện tượng đa cộng tuyến khi các biến độc lập có mối quan hệ tương quan mạnh với nhau (bảng 4), đồng thời tiến hành phân tích hồi quy đa biến (bảng 5).

Kết quả phân tích Pearson cho thấy, giá trị sig. đều nhỏ hơn 0,05, nghĩa là các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc. Có 3 nhân tố có mối tương quan dương (thuận chiều) với chất lượng giảng dạy GDTC online và chỉ có nhân tố cách tiếp cận với phương pháp học online (Access) là có tương quan ngược chiều với biến phụ thuộc (-0,142). Trong đó, nhóm nhân tố nội dung và phương thức giảng dạy có tương quan thuận chiều mạnh nhất với hệ số tương quan r bằng 0,521; ngược lại sự tương quan thuận chiều yếu nhất là sự hấp dẫn khi học online với hệ số r bằng 0,506.

Trong bảng 5, giá trị phương sai đạt Sig. = 0,000 (<0,05) cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính đa biến là phù hợp với nghiên cứu này. Hệ số phóng đại phương sai (VIF) của tất cả các nhóm yếu tố đều có giá trị khá thấp (đều nhỏ hơn 10), tức là số liệu không có hiện tượng đa cộng tuyến. Hệ số R^2 hiệu chỉnh bằng 0,476. Như vậy 47,6% sự thay đổi về chất lượng giảng dạy online môn GDTC của giảng viên thông qua nhận thức của SV được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình.

Kết quả nghiên cứu tại bảng 4 và 5 cho thấy đánh giá của SV Học viện Nông nghiệp Việt Nam về hiệu quả giảng dạy trực tuyến môn học tự chọn GDTC trong thời kỳ covid-19 như sau:

Thứ nhất: Sự hấp dẫn của khi tham gia lớp học online (Các biến F1.1 – F1.4).

Đây là yếu tố có tác động tích cực nhỏ nhất với hệ số hồi quy hồi chỉnh chỉ đạt mức (0,244). Kết quả nghiên cứu chứng tỏ việc học online ít áp lực hơn so với khi học trực tiếp vì không chịu những tiêu chuẩn khắt khe, cũng như mức độ chính xác không quá cao; có nhiều thời gian rảnh rỗi và tự do do người học khó bị kiểm soát;

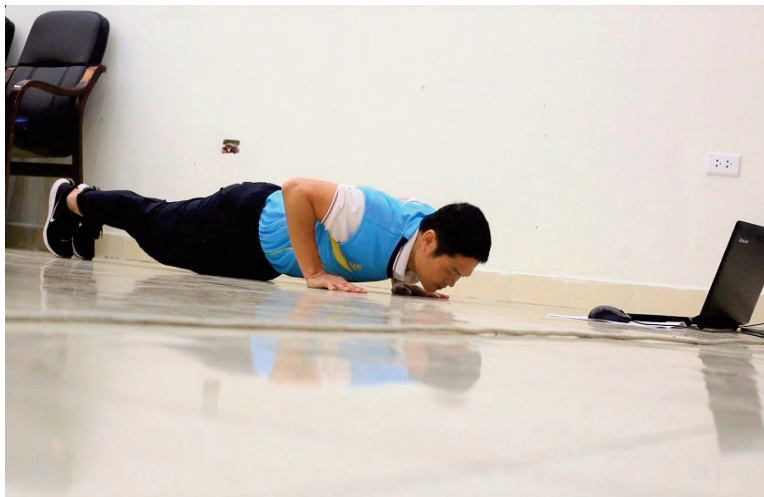
mức độ tham gia vào lớp học không nhiều so với lớp học truyền thống, mức độ tương tác với thầy cô và bạn bè cũng như mức độ tham gia của sv trong quá trình giảng dạy không như các lớp học trực tiếp, chỉ đạt mức dưới trung bình ở ngưỡng kém.

Thứ 2: Về khả năng tiếp cận với lớp học GDTC online (Các biến F2.1 – F2.6).

Đây là yếu tố có tác động tiêu cực đến hiệu quả giảng dạy online. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự tiếp cận với phương pháp online được xem như một tác động tiêu cực đến đánh giá hiệu quả giảng dạy môn GDTC trực tuyến với hệ số Beta bằng -0,319. Chất lượng đường truyền mạng, thiếu dụng cụ học tập, khó khăn trong quan sát các bước thí nghiệm của giảng viên, tốn kém chi phí đầu tư ban đầu,... đây là những điểm làm giảm sút hiệu quả giảng dạy môn học GDTC theo hình thức online. Mức đầu tư ban đầu cho cơ sở vật chất cũng là một vấn đề nổi cộm, đặc biệt với các em SV thuộc hộ nghèo và vùng sâu, vùng xa. Đây là những yếu tố khách quan được SV đưa ra, nhưng để giải quyết những bất cập này không hề dễ dàng. Để hạn chế tiêu cực của yếu tố, có thể gợi ý cho các em các bài tập thay thế tương tự, dùng các dụng cụ thay thế có thể tận dụng tại nơi sinh sống. Trong những buổi học online có thể dành 50% tiết học để SV và giảng viên cùng phân tích và nhận định các động tác để sinh viên tự ghi hình, từ đó sẽ có những bài học rút ra để các em tự chỉnh sửa động tác của mình..

Thứ 3: Động lực trong học tập (Các biến F3.1 – F3.3).

Thực tế điều tra, hầu hết các SV đều đã có động lực khi học online hay động lực với các bài tập thực hành từ mức trung bình đến chủ động, mặc dù việc cung cấp học liệu giảng dạy điện tử chưa được hoàn toàn trong tất cả các học phần với chỉ số tác động được minh chứng là 0,311. Do đặc thù GDTC là môn học cần thí nghiệm, quan sát thực tế và chỉnh sửa các động tác trực tiếp mới có thể giúp các em thực hành đúng và có ý thức cao hơn với môn học, nhưng với điều kiện đào tạo trực tuyến do giãn cách xã hội, thì vấn đề này là thách thức không hề nhỏ, do vậy, giảng viên có thể khắc phục bằng cách lồng ghép các trò chơi theo nhóm nhỏ, bài quizz



Giảng dạy GDTC trực tiếp đã rất khó khăn, giảng dạy GDTC trực tuyến còn đòi hỏi giáo viên phải sáng tạo hơn rất nhiều

cùng các điểm thưởng khi đưa ra các bài tập thực hành để tránh sự nhàm chán khi chỉ nhìn thị phạm theo thầy cô giáo. Đồng thời, giảng viên nên lồng ghép các giáo án điện tử với các video tự quay từ giáo viên, từ SV, và của các vận động viên nổi tiếng để kích thích sự thích thú, tò mò của SV nhằm nâng cao hiệu quả của bài học.

Thứ 4: Phương thức giảng dạy và nội dung bài giảng (Các biến F4.1 – F4.3).

Đây là yếu tố có tác động tích cực mạnh nhất với hệ số hồi quy hồi chỉnh đạt mức 0,355. Có nghĩa rằng, khi các giảng viên áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt, đa dạng và nội dung bài giảng sống động, cũng như phương thức đánh giá kết quả học tập mềm dẻo và phù hợp SV khi học GDTC online sẽ có tác động tích cực mạnh mẽ đến hiệu quả giảng dạy môn học.

KẾT LUẬN

Kết quả kiểm định mức độ tin cậy của thang đo hiệu quả giảng dạy online môn học GDTC tự chọn theo Mocanu et al. (2021) đã xác định được 4 thang đo đại diện cho các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy môn GDTC và 1 thang đo đại diện cho chất lượng giảng dạy môn GDTC dưới hình thức online với 19 biến quan sát.

Đánh giá của SV Học viện Nông nghiệp Việt Nam về hiệu quả giảng dạy trực tuyến môn học tự chọn GDTC cho thấy: Yếu tố tác động mạnh và cần được chú ý đó là phương thức giảng dạy và chất lượng nội dung bài giảng của giảng viên có tác động tích cực mạnh mẽ nhất đến hiệu quả

giảng dạy môn học GDTC online (0,355); Ngược lại, chất lượng đường truyền mạng, thiếu dụng cụ học tập, khó khăn trong quan sát các bước thị phạm của giảng viên, tốn kém chi phí đầu tư ban đầu làm giảm sút hiệu quả giảng dạy môn học (-0,319); SV có động lực với môn học và các bài tập thực hành từ mức trung bình đến chủ động (0,311); Việc cung cấp học liệu giảng dạy điện tử chưa được đáp ứng hoàn toàn cho tất cả các học phần. Ngoài ra sự hấp dẫn khi tham gia lớp học online đạt kết quả thấp nhất (0,244) do việc học online ít áp lực, SV khó bị kiểm soát, mức độ

tương tác với thầy cô và bạn bè kém hiệu quả hơn so với lớp học trực tiếp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bao W. (2020), "COVID-19 and online teaching in higher education: A case study of Peking University", *Human Behavior and Emerging Technologies*, 2(2), 113–115. <https://doi.org/10.1002/hbe2.191>.
2. Hair J. F. (2011), "Multivariate Data Analysis: An Overview", *In International Encyclopedia of Statistical Science* (pp. 904–907). Springer Berlin Heidelberg. https://doi.org/10.1007/978-3-642-04898-2_395.
3. Kim M., Yu H., Park C. W., Ha T., & Baek, J.H. (2021), "Physical education teachers' online teaching experiences and perceptions during the COVID-19 pandemic", *Journal of Physical Education and Sport*, 21, 2049–2056. <https://doi.org/10.7752/jpes.2021.s3261>.
4. Oanh P.T., Ánh Đ.T.N., Thìn Đ.T., Bình L.T. & Điệp N.T.N.Đ. (2021), "Đánh giá của giảng viên về hiệu quả giảng dạy online tại trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh". *Tạp Chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại Học Công nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh*, 50, 220–234.
5. Thùy N.M., Mai K.T. & Hương N.T.M. (2021), "Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy trực tuyến tại các trường đại học ở Hà Nội", *TNU Journal of Science and Technology*, 226(18), 252–261.